

Số: 2507 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 05 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính
nhà nước ban hành mới trong lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền, địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát đơn giản hoá thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3100/QĐ-BTP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 118/TTr-STP ngày 31 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố 02 thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước ban hành mới trong lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp theo Quyết định số 3100/QĐ-BTP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, C3, PVHCC. 



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Lâm Hải Giang

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CỦA CÁC CƠ QUAN
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC BAN HÀNH MỚI TRONG LĨNH VỰC
PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ BAN HÀNH MỚI

STT	Mã số TTHC nội bộ	Tên TTHC Nội bộ	Cơ quan thực hiện
1	5.000023	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2	5.000024	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
TỔNG CỘNG: 02 TTHC			

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

I. Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại địa phương và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan (gọi chung là cơ quan, tổ chức) lựa chọn cán bộ, công chức, viên chức và sỹ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, có văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật và gửi Sở Tư pháp tổng hợp. Văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh ngoài các nội dung đề nghị phải có đầy đủ thông tin của người được đề nghị công nhận quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Bước 2: Trường hợp văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật không có đầy đủ thông tin quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 2304/QĐ-UBND thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Tư pháp có văn bản gửi cơ quan, tổ chức đề nghị bổ sung thông tin.

Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật có đầy đủ thông tin quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 2304/QĐ-UBND, Sở Tư pháp dự thảo Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc bưu điện hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh ngoài các nội dung đề nghị phải có đầy đủ thông tin của người được đề nghị công nhận (Họ và tên; chức vụ, chức danh (nếu có) và cơ quan, tổ chức công tác; trình độ chuyên môn; lĩnh vực pháp luật chuyên môn chuyên sâu dự kiến kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.).

- Số lượng hồ sơ: Không quy định

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật có đầy đủ thông tin theo quy định, Sở Tư pháp dự thảo Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Trường hợp văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật không có đầy đủ thông tin theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị công nhận, Sở Tư pháp có văn bản gửi cơ quan, tổ chức đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật bổ sung thông tin.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình dự thảo Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ra quyết định công nhận.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ: Cơ quan, tổ chức cấp tỉnh.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nội bộ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ: Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ: Báo cáo viên pháp luật phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng, có uy tín trong công tác;

- Có khả năng truyền đạt;

- Có bằng tốt nghiệp đại học luật và thời gian công tác trong lĩnh vực pháp luật ít nhất là 02 năm; trường hợp không có bằng tốt nghiệp đại học luật, nhưng có bằng tốt nghiệp đại học khác thì phải có thời gian công tác liên quan đến pháp luật ít nhất là 03 năm.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ:

- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13 ngày 20/6/2012 của Quốc hội.

- Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực Tư pháp.

- Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai Quy định trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

II. Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Báo cáo viên pháp luật công tác tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại địa phương và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan (gọi chung là cơ quan, tổ chức) thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thì cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thông báo cho báo cáo viên pháp luật biết lý do đề nghị miễn nhiệm.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về việc đề nghị miễn nhiệm, báo cáo viên pháp luật được quyền kiến nghị với Thủ trưởng cơ quan, tổ chức về đề nghị miễn nhiệm. Quyết định của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức về đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật là ý kiến cuối cùng.

Bước 3: Cơ quan, tổ chức có văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh gửi đến Sở Tư pháp để tổng hợp. Văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật ngoài các nội dung đề nghị, phải có đầy đủ các thông tin của người được đề nghị miễn nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Bước 4: Trường hợp văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh không có đầy đủ thông tin quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 2304/QĐ-UBND thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị miễn nhiệm, Sở Tư pháp có văn bản gửi cơ quan, tổ chức đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật bổ sung thông tin.

Bước 5: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật có đầy đủ thông tin quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 2304/QĐ-UBND, Sở Tư pháp dự thảo Quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc bưu điện hoặc trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, ngoài các nội dung đề nghị, phải có đầy đủ các thông tin của người được đề nghị miễn nhiệm (Họ và tên; chức vụ, chức danh (nếu có) và cơ quan, tổ chức công tác; số, ngày, tháng, năm của Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật; lý do của việc đề nghị miễn nhiệm.).

- Số lượng hồ sơ: Không quy định

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật có đầy đủ thông tin theo quy định, Sở Tư pháp dự thảo Quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Trường hợp văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật không có đầy đủ thông tin theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị miễn nhiệm, Sở Tư pháp có văn bản gửi cơ quan, tổ chức đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật bổ sung thông tin.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình dự thảo Quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ra quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ: Cơ quan, tổ chức cấp tỉnh.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nội bộ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ: Quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ: Các trường hợp miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật bao gồm:

- Tự nguyện xin thôi làm báo cáo viên pháp luật vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do chính đáng khác;

- Không còn là cán bộ, công chức, viên chức, sỹ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân hoặc chuyển công tác khỏi cơ quan, tổ chức đã đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật;

- Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều 35 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật;

- Từ chối không thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật theo sự phân công của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp mà không có lý do chính đáng từ 03 lần trở lên;

- Thực hiện một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 9 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật;

- Bị Tòa án kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật;

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ:

- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13 ngày 20/6/2012 của Quốc hội.

- Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực Tư pháp.

- Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai Quy định trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
